

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỘC CHÂU
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 39/2017/HNGĐ-ST

Ngày: 07/12/2017.

V/v Xin ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỘC CHÂU, TỈNH SƠN LA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Anh Đức.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Yên và bà Nguyễn Thị Bích Hòa.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Bình Phương, thư ký Tòa án nhân dân huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thanh Nga - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 12 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 31/2017/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 10 năm 2017 về xin ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 11 năm 2017 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh Vì Văn T – Sinh năm: 1989. Địa chỉ: Tiểu khu B, thị trấn M, huyện Mộc C, tỉnh Sơn La. Có mặt.

2. *Bị đơn:* Chị Vì Thị T - Sinh năm: 1992. Địa chỉ: Tiểu khu B, thị trấn M, huyện Mộc C, tỉnh Sơn La. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại bản tự khai ngày 03/11/2017, nguyên đơn anh Vì Văn T trình bày như sau:

Anh Vì Văn T và chị Vì Thị T kết hôn với nhau vào ngày 19/3/2010. Khi kết hôn hai anh, chị đã đủ tuổi kết hôn theo quy định của pháp luật, việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện, không thuộc các trường hợp cấm kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện Mộc C, tỉnh Sơn La. Sau ngày kết hôn hai vợ chồng anh, chị về sống chung với bố mẹ anh Thành. Cuộc sống chung của vợ chồng hoà thuận hạnh phúc đến tháng 2 năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là tính cách, quan điểm sống không hợp nhau nên giữa hai vợ chồng thường hay cãi chửi nhau. Mâu thuẫn của vợ chồng anh chị đã được gia đình và chính quyền địa phương hòa giải nhưng không đạt. Hai anh chị

sống ly thân từ đó cho đến nay, xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, anh Vì Văn T làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Vì Thị T.

Về con chung: Anh Vì Văn T khai vợ chồng anh, chị có 02 con chung là cháu Vì Thị Bảo T- Sinh ngày: 08/3/2011 và cháu Vì Bảo T – Sinh ngày 13/4/2014. Nếu ly hôn nguyện vọng của anh Vì Văn T xin được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cả hai cháu đến khi các cháu trưởng thành đủ 18 tuổi và không yêu cầu chị Vì Thị T phải có trách nhiệm đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh.

Nghề nghiệp của anh Vì Văn T hiện nay là thợ nhôm kính, mức thu nhập bình quân một tháng là 7.000.000 đồng (Bảy triệu đồng chẵn).

Về tài sản chung: Không có. Về vay nợ chung: Không có.

Về án phí: Anh Vì Văn T xin chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

Tại đơn xin giải quyết, xét xử vắng mặt bị đơn chị Vì Thị T trình bày:

Về thời gian, điều kiện kết hôn và nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng đúng như ý kiến của anh Vì Văn T trình bày. Trong quá trình chung sống đến tháng 2 năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống nên vợ chồng luôn xảy ra mâu thuẫn, cãi chửi nhau. Mâu thuẫn vợ chồng đã được gia đình và chính quyền địa phương hoà giải nhưng không đạt kết quả, hai vợ chồng anh, chị đã sống ly thân từ đó cho đến nay, không bên nào chăm lo đến cuộc sống chung của gia đình nữa. Nay anh Vì Văn T có đơn đề nghị Tòa án giải quyết xin ly hôn, phía chị Vì Thị T cũng nhất trí ly hôn với anh Vì Văn T.

Về con chung: Trong thời gian chung sống chị Vì Thị T xác định có hai con chung như anh Thành trình bày nếu ly hôn chị cũng nhất trí nhường quyền nuôi dưỡng, giáo dục cả hai cháu Vì Thị Bảo T- Sinh ngày: 08/3/2011 và cháu Vì Bảo T – Sinh ngày 13/4/2014 cho anh Vì Văn T cho đến khi các cháu trưởng thành 18 tuổi.

Về tài sản chung: Không có. Về vay nợ chung: Không có.

Ý kiến của đại diện VKSND huyện Mộc Châu như sau:

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng như sau:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thư ký Tòa án: Từ khi thụ lý vụ án đến trước khi xét xử, nghị án Thẩm phán và Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm.

- Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa hôm nay những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

+ Về việc giải quyết vụ án như sau:

Áp dụng khoản 1 Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Xử cho anh Vì Văn T được ly hôn với chị Vì Thị T.

- Về con chung: Giao cả hai cháu Vì Thị Bảo T- Sinh ngày: 08/3/2011 và cháu Vì Bảo T – Sinh ngày 13/4/2014 cho anh Vì Văn T trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi. Tạm hoãn việc đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung đối với chị Vì Thị T. Không ai được cản trở quyền trông nom, thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung sau khi ly hôn.

- Về án phí: Anh Vì Văn T phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Ngày 02 tháng 8 năm 2017 bị đơn chị Vì Thị T có đơn xin được giải quyết, xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Vì Văn T và chị Vì Thị T kết hôn với nhau vào ngày 19/3/2010. Khi kết hôn anh, chị đã đủ tuổi kết hôn theo quy định của pháp luật, việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện, không thuộc các trường hợp cấm kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện Mộc C, tỉnh Sơn La. Vì vậy quan hệ hôn nhân của anh Vì Văn T và chị Vì Thị T là hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Sau ngày kết hôn vợ chồng anh, chị sống chung với bố mẹ anh Thành Cuộc sống chung của vợ chồng anh, chị hoà thuận hạnh phúc đến tháng 02 năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống nên vợ chồng luôn xảy ra mâu thuẫn, cãi chửi nhau. Mâu thuẫn vợ chồng đã được gia đình và chính quyền địa phương hoà giải nhưng không đạt kết quả, anh, chị đã sống ly thân từ đó cho đến nay, không bên nào chăm lo đến cuộc sống chung của gia đình. Xét thấy quan hệ hôn nhân giữa anh Vì Văn T và chị Vì Thị T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Cần áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, xử cho anh Vì Văn T được ly hôn với chị Vì Thị T.

[3] Về con chung: Anh Vì Văn T và chị Vì Thị T có 02 con chung là cháu Vì Thị Bảo T- Sinh ngày: 08/3/2011 và cháu Vì Bảo T – Sinh ngày 13/4/2014.

Xét thấy, anh Vì Văn T có công việc và nhà cửa ổn định hơn so với chị Vì Thị T, bên cạnh đó nguyện vọng của hai vợ chồng anh, chị đều có nguyện vọng

để các cháu cho anh T được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chung nên cần giao cả hai cháu Vì Thị Bảo T, Vì Bảo T cho anh Vì Văn T trực tiếp nuôi dưỡng giáo dục đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi là phù hợp với quy định tại Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình. Về trách nhiệm đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung, do anh Vì Văn T không có yêu cầu đề nghị gì, do đó cần tạm hoãn việc đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con đối với chị Vì Thị T.

[4] Về tài sản chung: Không có.

[5] Về vay nợ chung: Không có.

[6] Về án phí: Anh Vì Văn T phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Xử cho anh Vì Văn T được ly hôn với chị Vì Thị T.

2. Về con chung: Giao cả hai cháu Vì Thị Bảo T- Sinh ngày: 08/3/2011 và cháu Vì Bảo T – Sinh ngày 13/4/2014 cho anh Vì Văn T trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi. Tạm hoãn việc đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung đối với chị Vì Thị T. Không ai được cản trở quyền trông nom, thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung sau khi ly hôn.

3. Về án phí: Anh Vì Văn T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La theo biên lai thu tiền số 03816 ngày 30 tháng 10 năm 2017.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án, hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sơn La;
- VKSND huyện Mộc Châu;
- Chi cục THADS huyện Mộc Châu;
- UBND xã H, huyện Mộc C;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(Đã ký)
Nguyễn Anh Đức**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỘC CHÂU
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi..... giờ.....phút, ngày 07 tháng 12 năm 2017.

Tại: Phòng nghị án, trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La.

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Anh Đức.
- Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Yên và bà Nguyễn Thị Bích

Hòa

Tiến hành nghị án vụ án dân sự thụ lý số 31/2017/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 10 năm 2017 về xin ly hôn giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Vì Văn T – Sinh năm: 1989. Địa chỉ: Tiểu khu B, thị trấn M, huyện Mộc C, tỉnh Sơn La. Có mặt.

- Bị đơn: Chị Vì Thị T - Sinh năm: 1992. Địa chỉ: Tiểu khu B, thị trấn M, huyện Mộc C, tỉnh Sơn La. Vắng mặt.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật,

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU

Áp dụng khoản 1 Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Xử cho anh Vì Văn T được ly hôn với chị Vì Thị T.

2. Về con chung: Giao cả hai cháu Vì Thị Bảo T- Sinh ngày: 08/3/2011 và cháu Vì Bảo T – Sinh ngày 13/4/2014 cho anh Vì Văn T trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi. Tạm hoãn việc đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung đối với chị Vì Thị T. Không ai được cản trở quyền trông nom, thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung sau khi ly hôn.

3. Về án phí: Anh Vì Văn T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La theo biên lai thu tiền số 03816 ngày 30 tháng 10 năm 2017.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án, hoặc bản án được niêm yết.

Kết quả biểu quyết:.....

Nghị án kết thúc vào hồi..... giờ..... phút, ngày 07 tháng 12 năm 2017.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Anh Đức

